

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 22-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 390/2022/TLST-DS ngày 09/11/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P; địa chỉ: Số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số 45 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình A, chức vụ: Giám đốc phòng xử lý nợ. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình A: Ông Nguyễn Văn B, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ngày 09/7/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần P Chi nhánh TT – Phòng giao dịch PMH ký với ông Lê Thanh T1 Hợp đồng tín dụng số TDCN21001685/2021/PMH/HĐTD và Khế ước nhận nợ số TDCN21001685/2021/PMH/KUNN ngày 12/7/2021 với nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 955.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi lăm triệu đồng);

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu VinFast Lux A2.0 mới 100% (phục vụ mục đích tiêu dùng);

Thời hạn vay: 96 tháng;

Lãi suất trong hạn: 8,7%, cố định trong 12 tháng đầu được áp dụng theo Thông báo số 480/2021/QĐ-TGD ngày 26/5/2021. Từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất). Kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 12/7/2022 với công thức tính lãi như sau: + Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ tối thiểu (2). Trong đó: (i) Lãi suất cơ sở (1) là: Lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được TGD ban hành từng thời kỳ. (ii) Biên độ tối thiểu (2): 3,9%/năm;

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Lê Thanh T1 đã thanh toán được một phần nợ cụ thể: Tổng số tiền ông T đã thanh toán là: 107.858.235 đồng; trong đó nợ gốc: 60.902.419 đồng, nợ lãi: 46.955.816 đồng.

Tuy nhiên, ông Lê Thanh T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Ông Lê Thanh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số TDCN21001685/2021/PMH/HĐTD ngày 9/7/2021 và Khế ước nhận nợ số TDCN21001685/2021/PMH/KUNN ngày 12/7/2021 được ký kết giữa OCB với Ông Lê Thanh T1.

Dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Lê Thanh T1 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần P kính đề nghị Tòa án buộc ông Lê Thanh T1 trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số TDCN21001685/2021/PMH/HĐTD ngày 09/7/2021 tạm tính đến ngày 22/5/2023 là 1.067.515.936 đồng, trong đó nợ gốc là 894.097.581 đồng, nợ lãi là 173.418.355 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 23/5/2023 cho đến khi ông Lê Thanh T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao hồ sơ khởi kiện, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông Lê Thanh T1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tổ tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tổ tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tổ tụng

như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu ông Lê Thanh T1 trả số tiền đến ngày 22/5/2023 là 1.067.515.936 đồng, trong đó nợ gốc là 894.097.581 đồng, nợ lãi là 173.418.355 đồng. Do đó, HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn hiện cư trú tại xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu ông Lê Thanh T1 trả số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2023 là 1.067.515.936 đồng, trong đó nợ gốc là 894.097.581 đồng, nợ lãi là 173.418.355 đồng.

[3.1] Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.2] Tại biên bản xác minh của Công an xã An Bình thể hiện bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện tại không sinh sống tại địa phương. Bị đơn cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại cho nguyên đơn.

[3.3] Do vậy, căn cứ vào Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định bị đơn có hành vi trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

[3.4] Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P với ông Lê Thanh T1 thì số tiền bị đơn vay là 955.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 8,7%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Lê Thanh T1 đã thanh toán được một phần nợ cụ thể: Tổng số tiền ông T đã thanh toán là: 107.858.235 đồng; trong đó nợ gốc: 60.902.419 đồng, nợ lãi: 46.955.816 đồng.

Tính đến ngày 22/5/2023 ông Lê Thanh T1 còn nợ Ngân hàng là 1.067.515.936 đồng, trong đó nợ gốc là 894.097.581 đồng, nợ lãi là 173.418.355 đồng.

Việc Ngân hàng tính tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là phù hợp với hợp đồng tín dụng được ký giữa nguyên đơn và bị đơn cũng như những chứng cứ, tài liệu do Ngân hàng cung cấp. Ông Lê Thanh T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Do vậy, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với bị đơn ông Lê Thanh T1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông Lê Thanh T1 phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TDCN21001685/2021/PMH/HĐTD tính đến hết ngày 22/5/2023 là 1.067.515.936 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 894.097.581 đồng (tám trăm chín mươi bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi một đồng), nợ lãi là 173.418.355 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 23/5/2023 cho đến khi bị đơn ông Lê Thanh T1 trả hết tiền gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông, lãi suất được tính theo Hợp đồng tín dụng số TDCN21001685/2021/PMH/HĐTD được ký bởi

Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh TT – Phòng Giao dịch PMH và ông Lê Thanh T1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 20.069.000 đồng (hai mươi triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008576 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 phải nộp 44.254.780 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh